

### BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**THÁNG 12 NĂM 2017**

<p><b>CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC VÀ BIÊN TẬP NỘI DUNG:</b>  <b>CỤC CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN</b>  <b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                  Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội                  Điện thoại: +84 (0)24 62968244                  Fax : +84 (0)24 37711125                  Email : <a href="mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn">thuongmai.cb@mard.gov.vn</a>                  Website : <a href="http://www.agrotrade.gov.vn">www.agrotrade.gov.vn</a></p>	<p><b>NGUỒN DỮ LIỆU:</b>  <b>TRUNG TÂM TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ</b>                  Địa chỉ: số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội                  Điện thoại: +84 (0)24 37341635                  Fax : +84 (0)24 38230381                  Email : <a href="mailto:trangtin@mard.gov.vn">trangtin@mard.gov.vn</a>                  Website : <a href="http://www.mard.gov.vn">www.mard.gov.vn</a></p>
---	--

### DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN – THÁNG 12/2017 – TÌNH HÌNH CHUNG

#### Tình hình kinh tế năm 2017

Năm 2017, kinh tế cả nước nói chung và thị trường hàng hóa nói riêng đang trong giai đoạn phục hồi với nhiều tín hiệu khả quan. Tăng trưởng GDP cả năm 2017 đạt 6,81% (cao hơn kế hoạch đề ra và vượt xa mức 6,21% năm 2016) là tín hiệu tích cực cho thấy sự phục hồi của kinh tế nói chung. Thị trường hàng hóa diễn biến tương đối ổn định và có sự phối hợp điều hành tốt giữa các Bộ, ngành. Mặc dù có những giai đoạn gặp khó khăn trong tiêu thụ mặt hàng thịt do sự tăng trưởng mạnh của quy mô chăn nuôi nhưng đã được các Bộ, ngành cùng các địa phương kịp thời có giải pháp hỗ trợ tiêu thụ cho các sản phẩm thịt trong nước, tích cực mở rộng, khơi thông thị trường xuất khẩu. Do đó tiêu thụ các mặt hàng này đã được cải thiện, giá tăng, bảo đảm cho người chăn nuôi tái đàn. Trong năm 2017, mặt bằng giá hàng hóa chủ yếu chịu ảnh hưởng ở nhóm hàng do nhà nước quản lý (phí dịch vụ y tế, giáo dục tăng giá theo lộ trình) tuy nhiên do có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ngành nên chỉ tiêu về lạm phát vẫn dưới mức Quốc hội giao (dưới 4%).

#### Thị trường thế giới & Những thông tin nổi bật

Trong tháng 12/2017, thị trường nông sản thế giới có nhiều biến động:

- Trên thị trường châu Á, giá gạo xuất khẩu biến động trái chiều: giá gạo Ấn Độ tăng trong khi Thái Lan và Việt Nam giảm giá.
- Giá cà phê giảm do sức ép mùa vụ mới đang thu hoạch tại Việt Nam vẫn rất lớn và động thái cầm chừng mua hàng của các công ty thương mại và nhà máy rang xay.
- Thị trường đường thế giới có xu hướng giảm giá trước áp lực từ đồng Real của Brazil suy yếu và thông tin triển vọng sản lượng đường thế giới trong niên vụ 2017/18.
- Giá cao su kỳ hạn tại Sàn Giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) diễn biến tăng nhờ sự hậu thuẫn của giá cao su tăng tại Thượng Hải, Trung Quốc và đồng Yên Nhật suy yếu so với Đô la Mỹ.
- Giá tiêu Ấn Độ khởi sắc do mưa tại các huyện trồng tiêu ở nam Kerala đã làm trì hoãn vụ thu hoạch trong khi nhu cầu tăng.

## Thị trường trong nước & Những thông tin nổi bật

- Giá lúa gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) diễn biến giảm trong bối cảnh giao dịch trầm lắng, nguồn cung đứng ở mức thấp.
- Giá tiêu giảm do lượng tiêu tồn kho từ vụ trước chuyển sang ước tính còn khá nhiều.
- Giá cà phê giảm do nguồn cung nội địa tăng lên vào vụ thu hoạch trong khi sức mua yếu.
- Sức mua chè nguyên liệu của các nhà máy chế biến tăng để đáp ứng nhu cầu cuối năm đã bắt đầu đẩy giá chè tăng lên.
- Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL tiếp tục vững giá ở mức cao do nguồn nguyên liệu cá tra tại khu vực ĐBSCL đang thiếu. Giá tôm nguyên liệu có xu hướng ổn định đến giảm nhẹ do nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn như EU và Mỹ giảm sau khi đã gần như hoàn tất các đơn đặt hàng cuối năm.

## LÚA GẠO

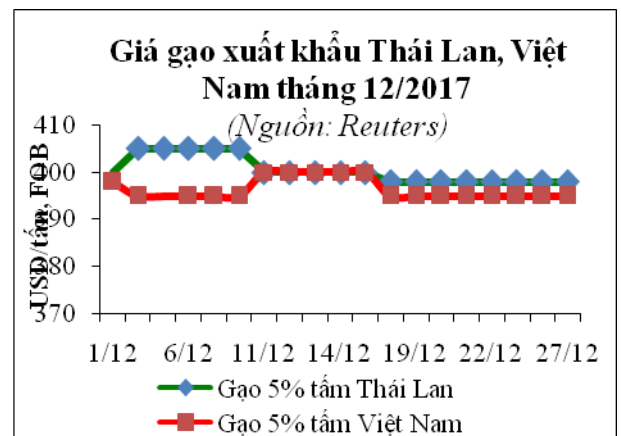
### Thị trường thế giới

Trên thị trường châu Á, giá gạo xuất khẩu biến động trái chiều trong tháng 12/2017, với giá gạo Ấn Độ tăng trong khi Thái Lan và Việt Nam giảm giá. Giá gạo tại Ấn Độ tăng nhờ nhu cầu tiêu thụ mạnh từ nước láng giềng Băng-la-đét, mặc dù có nguồn cung từ vụ thu hoạch mới. Gạo đỏ 5% tăng 16 USD/tấn lên 418 – 421 USD/tấn. Không khí giao dịch đã sôi động hơn, thương nhân đang dự đoán Băng-la-đét sẽ mua nhiều gạo hơn trong quý I/2018. Nguồn cung từ vụ thu hoạch mới bắt đầu tăng, nhưng sức mua tích cực từ Chính phủ đã giữ cho giá ở mức ổn định. Đồng rupee tăng giá cũng buộc các nhà xuất khẩu nâng giá chào bán.

Mặc dù nhu cầu tiêu thụ gạo Thái Lan và Việt Nam vẫn ở mức thấp trước kỳ nghỉ Giáng sinh và năm mới ở một số nước nhập khẩu gạo, các nhà xuất khẩu gạo vẫn tỏ ra lạc quan về các giao dịch mới. Gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan giảm xuống mức 390 – 398 USD/tấn (FOB Băng Cốc), so với 401 – 405 USD/tấn đầu tháng. Các thương nhân gạo Thái Lan hy vọng Liên minh châu Âu nói lại thỏa thuận với Thái Lan, với khả năng nói lại các cuộc đàm phán về Hiệp định Tự do Thương mại EU-Thái Lan.

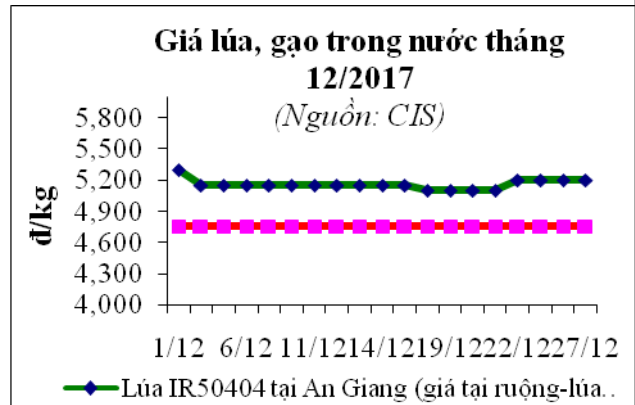
Tại Việt Nam, gạo tiêu chuẩn 5% tấm được chào bán giảm từ 390 – 400 USD/tấn xuống còn 390 - 395 USD/tấn. Một số nhà nhập khẩu tư nhân Philippin đã tiếp cận các nhà xuất khẩu gạo Việt

Nam để đàm phán mua gạo, khi Cơ quan Lương thực Quốc gia Philippin (NFA) cấp hạn ngạch nhập khẩu theo chương trình Khối lượng Tiếp cận tối thiểu 2017. Tuy nhiên, khách mua gạo Việt Nam sẽ chờ đợi nguồn cung mới từ vụ Đông Xuân 2018.



## Thị trường trong nước

Giá lúa gạo tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến giảm trong tháng 12/2017 trong bối cảnh giao dịch trầm lắng, nguồn cung đứng ở mức thấp. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL cụ thể như sau: tại An Giang, lúa IR50404 giảm 100 đ/kg, từ 5.300 đ/kg xuống còn 5.200 đ/kg; lúa OM 5451 sau khi tăng lên mức 5.700 đ/kg đã giảm trở lại mức 5.500 đ/kg hồi đầu tháng. Tại Vĩnh Long, lúa tươi giống IR50404 ổn định ở mức 5.000 đ/kg; lúa khô giữ ở mức 5.300 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá bán buôn của Công ty Lương thực Bạc Liêu ổn định ở mức lúa tươi OM 5.400 đ/kg, lúa khô ở mức 6.500 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giảm 100 đ/kg xuống 5.600 đ/kg; lúa OM 4218 giảm 200 đ/kg xuống 6.300 đ/kg; lúa OM 6976 ổn định ở mức 6.400 đ/kg; lúa Jasmine giảm 300 đ/kg xuống còn 6.600 đ/kg.



## Xuất khẩu gạo của Việt Nam

Bộ NN & PTNT ước tính khối lượng gạo xuất khẩu tháng 12 năm 2017 đạt 426 nghìn tấn với giá trị đạt 199 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo năm 2017 ước đạt 5,89 triệu tấn và 2,66 tỷ USD, tăng 22,4% về khối lượng và tăng 23,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá gạo xuất khẩu bình quân 11 tháng năm 2017 đạt 450,9 USD/tấn, giảm 0,37% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 với 39,5% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2017 đạt 2,17 triệu tấn và 972,64 triệu USD, tăng 35,2% về khối lượng và tăng 34,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Mười một tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh là Hồng Kông (-41,2%) và Gana (-10,6%).

## Nhận định và dự báo

*Với kết quả trên, năm 2017 được xem là một năm thành công đối với ngành gạo, vượt xa mục tiêu xuất khẩu 5 triệu tấn gạo đặt ra từ đầu năm. Bởi lẽ, ngay từ đầu năm thị trường được đánh giá là sẽ gặp nhiều khó khăn khi nhiều quốc gia chuyển sang chính sách tự cung tự cấp lương thực; nhiều thị trường nhập khẩu gạo chính của Việt Nam ở khu vực Đông Nam Á đang dần thay đổi cơ chế điều hành nhập khẩu gạo.*

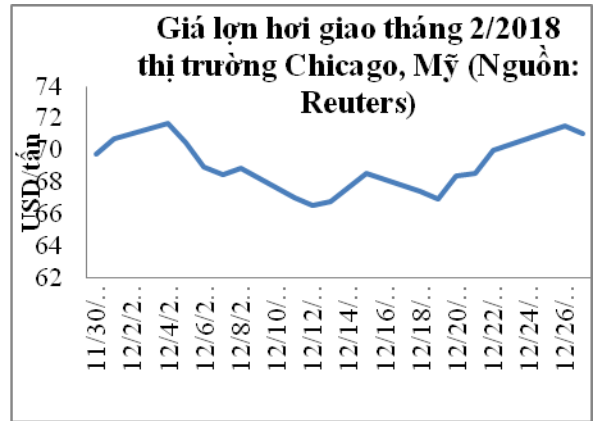
*Trong năm 2018, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nhất là liên quan đến hàng rào kỹ thuật, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm do các thị trường đặt ra. Những yếu tố này đòi hỏi ngành gạo cần có chiến lược xuất khẩu mới để phù hợp hơn với nhu cầu thị trường cũng như tránh phụ thuộc vào một thị trường nhất định.*

## THỊT

## Thị trường thế giới

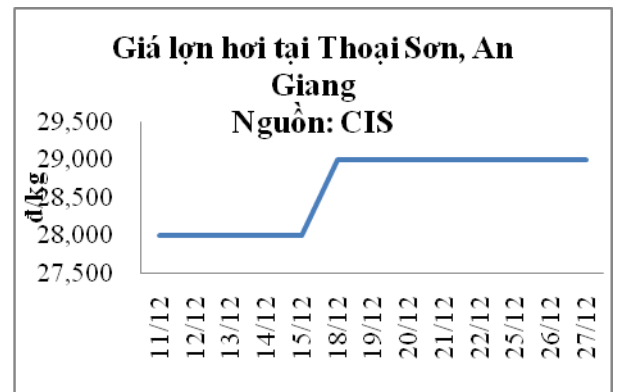
Giá lợn hơi giao tháng 2/2018 thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tháng 12/2018 với mức tăng 1,255 UScent/lb lên 71,03 UScent/lb. Giá lợn hơi tăng do giá bán buôn thịt lợn tăng và lực mua vào tăng mạnh.

Theo Global Times, hiện các Công ty chăn nuôi lợn lớn nhất và các nhà sản xuất chăn nuôi mới của Trung Quốc đang trong cuộc chạy đua xây dựng các tổ hợp chăn nuôi quy mô lớn, hiện đại ở Đông Bắc nước này. Động thái này có thể đảo lộn các luồng thương mại trong ngành thịt và ngũ cốc thế giới trong thời gian tới. Dự báo, sản lượng tăng tại khu vực các tỉnh Đông Bắc Trung Quốc sẽ đưa tỷ trọng sản xuất chăn nuôi tại khu vực này tăng lên, chiếm khoảng 17% tổng sản lượng cả năm 2016 của Trung Quốc, tương đương công suất 129 triệu con tại các tỉnh sản xuất chăn nuôi lợn lớn nhất Trung Quốc hiện nay là Hồ Nam và Tứ Xuyên (đang chiếm tổng cộng 20% nguồn cung thịt lợn tại Trung Quốc).



### Thị trường trong nước

Giá lợn hơi trên địa bàn cả nước biến động tăng trong tháng qua, phổ biến trong khoảng 27.000 - 35.000 đ/kg. Tại khu vực phía Bắc, giá lợn hơi tại các tỉnh Bắc Giang, Ninh Bình, Hải Dương, Hà Nội, Hà Nam tăng 5.000 đ/kg lên 35.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại Thái Bình, Quảng Ninh tăng 4.000 đ/kg, hiện dao động trong khoảng 32.000 - 34.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên hiện đang ở mức 27.000 - 33.000 đ/kg, tăng 1.000 - 2.000 đ/kg so với tháng trước. Tại miền Nam, giá lợn hơi biến động tăng nhẹ 1.000 đ/kg lên mức 26.000 - 29.000 đ/kg.



Trái ngược với xu hướng của giá thịt lợn, giá thu mua gà thịt lông trắng khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 2.000 - 3.000 đ/kg so với tháng 11/2017. Giá gà thịt lông màu tại 2 khu vực này cũng giảm 1.000 - 2.000 đ/kg xuống mức 32.000 - 33.000 đ/kg so với tháng trước do nhu cầu tiêu thụ đang chậm lại. Giá trứng gà tăng 50 đ/quả lên 1.750 - 1.850 đ/quả; giá trứng vịt tăng 100 đ/quả lên 2.100 - 2.300 đ/quả.

### Nhận định và dự báo

*Nhìn chung trong cả năm 2017, ngoại trừ đợt phục hồi mạnh mẽ vào giữa tháng 7, giá lợn hơi trung bình của cả nước chủ yếu giảm do nguồn cung dư thừa trong khi nhu cầu tiêu thụ không có đột biến. Tuy nhiên, giá lợn có xu hướng tăng trở lại từ tháng 11 với các đợt tăng giá lần này diễn ra khá từ từ. Dự báo đến Tết, giá lợn Tết nhiều khả năng sẽ tăng thêm do các cơ sở chế biến đang tập trung giết mổ lợn để sản xuất các loại thực phẩm phục vụ nhu cầu Tết của người dân.*

## THỦY SẢN

### Thị trường cá tra thế giới

Giá cá bột ở Peru tiếp tục tăng sau khi mùa đánh bắt cá trồng ở nước này bị trì hoãn và hạn ngạch thấp hơn dự kiến. Giá bột cá siêu chất lượng (FOB, Peru) đã lên đến 1.700 USD/tấn, các giao dịch đặc biệt với số lượng nhỏ có giá cao hơn mức đó khoảng 100-150 USD/tấn. Tại Trung Quốc, giá cá bột của Peru sau khi tăng mạnh trong những tuần trước đó đã ổn định trong tuần này ở mức 13.500 - 14.000 NDT/tấn (2.042 - 2.117 USD/tấn), đã trả thuế, tùy thuộc vào cảng.

Giá cá ngừ vằn giao dịch trong tháng 12/2017 tại Bangkok tiếp tục giảm so với mức cao trong tháng 11/2017. Theo các nguồn tin, phần lớn sản lượng cá ngừ vằn giao dịch trong tháng

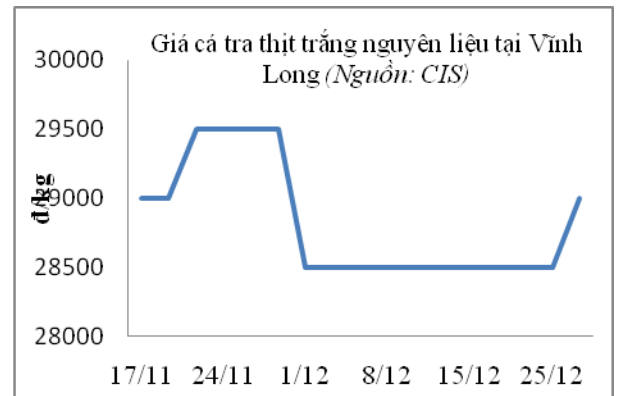
12/2017 là từ vùng nhiệt đới Tây Thái Bình Dương, có giá 1.700-1.750 USD/tấn. Giá cá cá ngừ vây vàng của châu Á xuất khẩu sang châu Âu hiện tại có giá 2.250 Euro/tấn. Một số nguồn tin dự báo giá tại Bangkok cho các giao dịch trong tháng 1/2018 sẽ tiếp tục giảm. Mức giá trong tháng 1/2018 sẽ là 1.500 -1.600 USD/tấn do sản lượng khai thác phục hồi.

### Thị trường tôm thẻ giới

Mới đây, Thái Lan đã thông báo tạm thời ngừng nhập khẩu tôm Ấn Độ do lo ngại sự lây lan của dịch bệnh có khả năng lây nhiễm cao đối với tôm thẻ. Ngành thủy sản Thái Lan thông báo sẽ áp dụng lệnh cấm nhập khẩu tôm kéo dài 3 tháng để ngăn ngừa sự lây lan của virus Myonecrosis (IMNV). Lệnh cấm này sẽ gây thiệt hại cho ngành tôm Ấn Độ nói riêng, và trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng nước này đạt mục tiêu xuất khẩu 6 tỷ USD thủy sản trong năm 2017. Theo một nhà xuất khẩu tôm Ấn Độ, lệnh cấm của Thái Lan gây tác động nghiêm trọng lên ngành tôm Ấn Độ phần nào do sự quá phụ thuộc của ngành tôm Ấn Độ vào phân khúc tôm thẻ, chiếm đến 65 – 70% tổng xuất khẩu tôm của Ấn Độ do nhu cầu cao đối với loại tôm này trên thị trường Mỹ và Đông Nam Á.

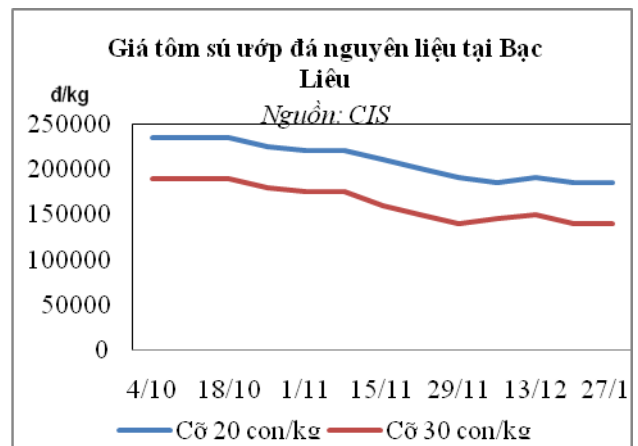
### Thị trường cá tra trong nước

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua tiếp tục vững giá ở mức cao, nguồn cung duy trì mức thấp. Những ngày cuối tháng, các doanh nghiệp giảm bớt cá tránh mưa bão. Giá dao động ở mức 27.000 – 29.000 đ/kg tùy theo chất lượng cá, kích cỡ và phương thức thanh toán. Đây là lần đầu tiên giá cá tra ở mức cao như vậy trong tháng cuối năm bởi thông thường, thời điểm này giá cá tra sẽ xuống thấp, do doanh nghiệp đã hoàn tất các hợp đồng đã ký. Nguồn nguyên liệu cá tra tại khu vực ĐBSCL đang thiếu, sản lượng nuôi giảm, chất lượng cá giống không cao. Chính vì cung không đủ cầu nên giá cá tăng cao kỷ lục.



### Thị trường tôm trong nước

Giá tôm nguyên liệu trong tháng 12 có xu hướng ổn định đến giảm nhẹ ở một số kích cỡ do nguồn cung ổn định và nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn như EU và Mỹ giảm sau khi đã gần như hoàn tất các đơn đặt hàng cuối năm. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú loại 20 con/kg được các thương lái và nhà máy thu mua với giá khoảng 240.000-245.000 đ/kg, cỡ 30 và 40 con/kg ở mức 140.000-190.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá cỡ 50-60 con/kg dao động 120.000-128.000 đ/kg. Tại Sóc Trăng, giá tôm sú ổn định, cỡ từ 20-60 con/kg dao động 130.000-242.000 đ/kg, giá tôm thẻ chân trắng cũng duy trì ở mức 105.000-182.000 đ/kg cho các cỡ từ 30-100 con/kg.



### Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

**Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 12 năm 2017 ước đạt 714 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu thủy sản năm 2017 ước đạt 8,32 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017, chiếm 55,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 11 tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Trung Quốc (64,4%), Hà Lan (48,6%), Anh (36,4%), Hàn Quốc (29,1%), Canada (22,3%) và Nhật Bản (20%).**

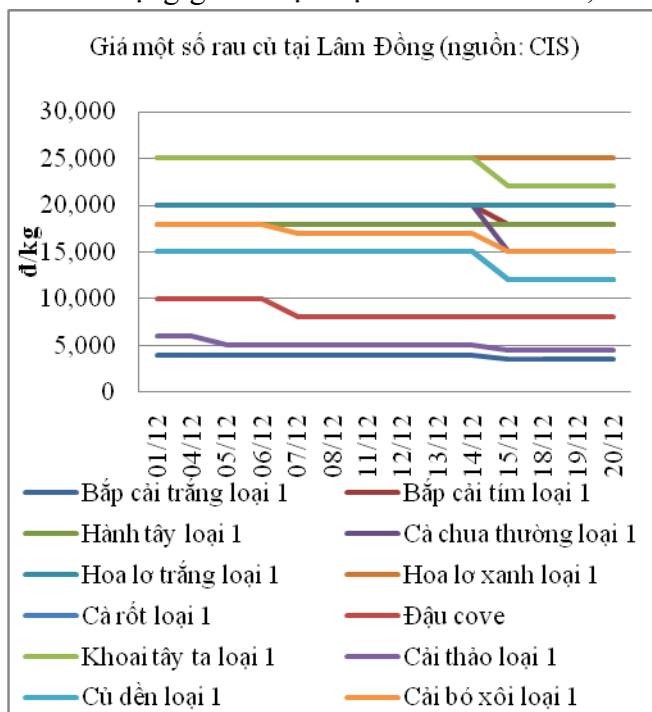
**Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu trong tháng 12/2017 ước đạt 336 triệu USD, đưa**

giá trị xuất khẩu tôm 12 tháng năm nay lên 3.851 triệu USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu cá tra trong tháng 12 ước đạt 149 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu cá tra trong 12 tháng lên 1.777 triệu USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2016.

## RAU QUẢ

### Thị trường trong nước

Trong tháng 12/2017, nhiều loại trái cây có biến động giảm. Tại một số tỉnh ĐBSCL, nông dân trồng thanh long ruột đỏ rất lo lắng vì giá loại trái cây này ở mức 35.000 đ/kg (loại 1), loại 2 có giá 24.000 – 25.000 đ/kg, giảm 6.000 – 7.000 đ/kg so với tháng trước. Tương tự, thanh long ruột trắng tại Bình Thuận trái vụ đang có mức giá là 6.000 - 8.000 đ/kg. Nguyên nhân khiến giá thanh long giảm mạnh thời gian qua là do lượng thanh long cung ứng ra thị trường đang tăng mạnh dẫn đến tình trạng “cung vượt cầu”. Tương tự, cam tại một số tỉnh phía Bắc như cam Cao Phong (Hòa Bình), cam Hàm Yên (Tuyên Quang), cam Văn Giang (Hưng Yên)... đều có giá giảm. Cụ thể, cam Cao Phong giá bán lẻ trên thị trường khoảng 30.000 đ/kg, thấp hơn so với mức 40.000-50.000 đ/kg của năm ngoái. Nguyên nhân giá giảm là do nguồn cung đang vượt cầu do người dân ồ ạt mở rộng diện tích khiến giá giảm.



Thị trường rau củ trong tháng 12/2017 diễn biến khá ổn định và giảm nhẹ vào cuối tháng. Đa phần các loại rau củ gồm bắp cải, cà chua, hoa lơ... tại Đà Lạt, Lâm Đồng hiện đều giảm so với mức giá đầu tháng. Cụ thể, giá bắp, cà chua, đậu cove, cải thảo... đều giảm 500-2000đ/kg ở mức giá lần lượt là 3.500 đ/kg, 18.000đ/kg, 15.000đ/kg, 8.000đ/kg, 4.500đ/kg so với đầu tháng.

Nhìn lại năm 2017, thị trường trái cây Việt Nam có nhiều diễn biến chủ yếu phụ thuộc tính thời vụ. Tuy nhiên, phải nhận định năm nay là năm “bội thu” của ngành hàng trái cây với giá trị xuất khẩu tăng mạnh và nhiều mặt hàng trái cây đã có mặt ở nhiều thị trường khó tính.

### Xuất khẩu rau quả của Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và PTNT ước tính giá trị xuất khẩu hàng rau quả tháng 12 năm 2017 ước đạt 276 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu hàng rau quả năm 2017 ước đạt 3,45 tỷ USD, tăng 40,5% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của hàng rau quả Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 với thị phần lần lượt là 75,7%, 3,7%, 2,9%, và 2,5%. Trong 11 tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu hàng rau quả tăng mạnh là Nhật Bản (70,6%), Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (57,4%), và Trung Quốc (54,9%).

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 12 năm 2017 đạt 145 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu rau quả năm 2017 đạt 1,56 tỷ USD, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 334 triệu USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ 2016 và mặt hàng quả đạt 1,19 tỷ USD, tăng 83,6% so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 11 tháng đầu năm 2017 là thị trường Thái Lan (chiếm 56,3% thị phần), Trung Quốc (chiếm 18,6%). Trong 11 tháng đầu năm 2017 giá trị nhập khẩu rau quả ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2016 ngoại trừ thị trường Myanmar (giảm 18,4%). Trong đó, thị trường có giá trị

nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là Thái Lan (gấp 2,2 lần), Ấn Độ (+92,3%) và Hàn Quốc (tăng 81,7%).

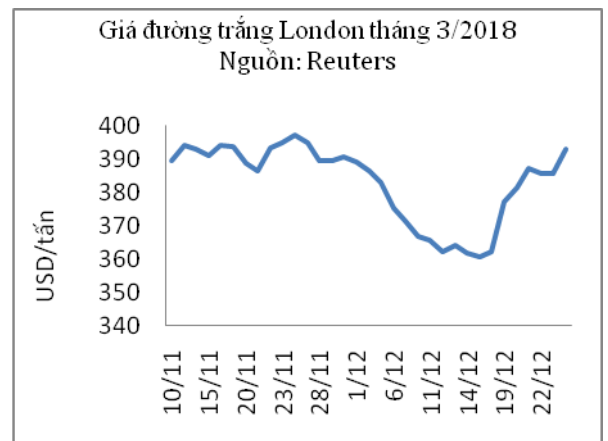
### Nhận định và dự báo

*Nhận định về điều kiện thời tiết năm nay cho nông nghiệp, Cục Trồng trọt (Bộ NN&PTNT) cho biết, thời tiết năm nay khá thuận lợi cho rau phát triển. Thêm nữa, từ nay tới Tết Nguyên đán, thời gian còn khá dài, nên bà con nông dân cũng chủ động trong công việc chuẩn bị nguồn rau cho dịp Tết. Hơn nữa, vòng quay của rau nhanh, ví dụ rau ăn lá từ 20 – 25 ngày, các giống rau lạnh như: su hào, bắp cải 55 ngày... Do vậy, hoàn toàn không lo lắng về nguồn cung rau xanh trong dịp Tết năm nay.*

## MÍA ĐƯỜNG

### Thị trường thế giới

Sau xu hướng tăng giá tháng trước, thị trường đường thế giới bước vào tháng 12 có xu hướng giảm giá trước áp lực từ đồng real Brazil suy yếu và thông tin triển vọng sản lượng đường thế giới có khả năng đạt mức cao trong niên vụ 2017/18. Thị trường chỉ phục hồi sau khi được hỗ trợ bởi thông tin Chính phủ Ấn Độ thông báo nước này đã xóa bỏ những hạn chế về khối lượng đường mà các thương gia được nắm giữ, và cho biết sản lượng sẽ tăng trong năm bắt đầu từ tháng 10/2017. Bên cạnh đó, thị trường cũng được hỗ trợ bởi thông tin Brazil nâng dự báo về sản lượng ethanol và giảm dự báo về sản lượng đường trong vụ 2017/18.



Chốt phiên giao dịch ngày 27/12, giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2018 trên sàn London đạt mức 393 USD/tấn, tăng 2,6 USD/tấn (tương đương 0,66%) so với cuối tháng trước. Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2018 trên sàn New York giảm 0,15 US cent (tương đương 0,99%) so với cuối tháng trước còn 14,93 US cents/lb.

### Thị trường trong nước

Nguồn cung tăng mạnh trên toàn cầu trong khi nhu cầu chỉ tăng nhẹ, khiến cho giá đường thế giới niên vụ 2017/2018 giảm mạnh. Điều đó khiến cho việc tiêu thụ đường ở Việt Nam trở nên khó khăn và giá cũng giảm xuống thấp. Trong nửa đầu tháng 12, giá bán buôn đường kính trắng ở Hà Nội chỉ còn từ 13.000-13.500 đ/kg, ở Miền Trung từ 13.000-13.100 đ/kg, ở TP HCM từ 12.700-13.600 đ/kg. So với tháng 12/2016, giá bán buôn đường kính trắng nửa đầu tháng 12 này đã giảm tới gần 4.000 đ/kg.

### Xuất khẩu mía đường của Việt Nam

Năm nay được dự báo là năm khó khăn của ngành đường trong nước khi thuế nhập khẩu đường từ các nước trong khu vực ASEAN (theo Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN gọi tắt là ATIGA) có nhiều khả năng sẽ về mức 0% từ 1-1-2018. Đường nhập khẩu khi chịu thuế 0% nhiều khả năng sẽ có giá rẻ hơn so với đường bán ra tại các nhà máy. Bên cạnh đó, năng lực cạnh tranh của ngành mía đường nội địa không bằng các nước nên dẫn đến giá thành sản xuất luôn cao hơn các nước khác trên thế giới.

### Nhận định và dự báo

*Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam, việc tiêu thụ đường sẽ còn gặp nhiều khó khăn, giá đường có thể sẽ xuống tới mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Dự báo sản lượng mía đường vụ 2017/2018 là 1,475 triệu tấn, giảm 4,8%, tương đương giảm 75.775 tấn so với kế hoạch đầu vụ. Tuy nhiên, dù sản lượng giảm nhưng giá mua đường vẫn ổn định như niên vụ 2016-2017, với giá mua tại ruộng dao động từ 830 - 1.150 đ/kg.*

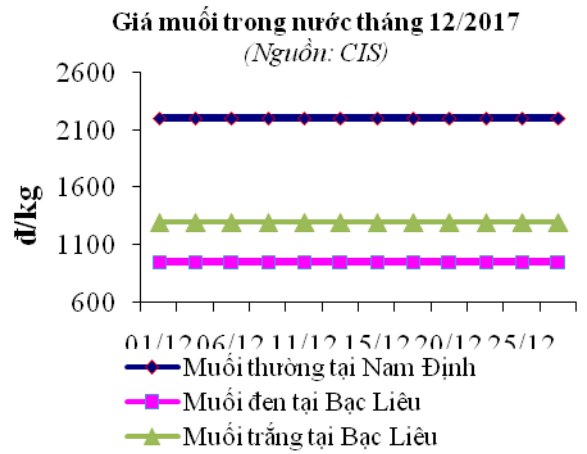
## MUỐI

### Thị trường trong nước

Năm 2017, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa, bão nhiều nên sản lượng muối trong cả nước đạt thấp, các địa phương tập trung tiêu thụ lượng muối tồn từ năm 2016, song tình hình tiêu thụ muối chậm. Ước tính sản lượng muối năm 2017 cả nước đạt khoảng 650.000 tấn, bằng 49% so với cùng kỳ 2016, cùng với lượng muối nhập khẩu đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng muối trong nước.

Theo Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, tổng nguồn cung muối năm 2017 là 1.697.567 tấn, bao gồm lượng muối luân chuyển từ năm 2016 sang là 547.567 tấn; sản xuất trong nước là 650.000 tấn; nhập khẩu là 500.000 tấn. Tổng nhu cầu muối năm 2017 là 1.550.000 tấn, bao gồm cho ăn uống tiêu dùng hàng ngày 470.000 tấn; phục vụ sản xuất công nghiệp hoá chất 300.000 tấn; bảo quản, chế biến hải sản 200.000 tấn; nhu cầu khác là 360.000 tấn; hao hụt trong chế biến (20%), lưu thông 180.000 tấn; xuất khẩu 40.000 tấn. Như vậy, cung vượt cầu và lượng muối luân chuyển sang năm 2018 là 147.567 tấn.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối trong nước ổn định trong tháng 12/2017. Cụ thể, tại Nam Định, giá bán buôn muối thường giữ ở mức 2.200 đ/kg. Tại Bạc Liêu, giá bán buôn muối đen không đổi ở mức 850 – 950 đ/kg; muối trắng ở mức 1.200 – 1.300 đ/kg. Tại Hưng Yên, giá muối không thay đổi, muối iot có giá 5.000 đ/kg, muối thường là 3.800 đ/kg. Tại Hà Nội, giá muối thô ở mức 2.900 đ/kg, muối tinh là 3.200 đ/kg.

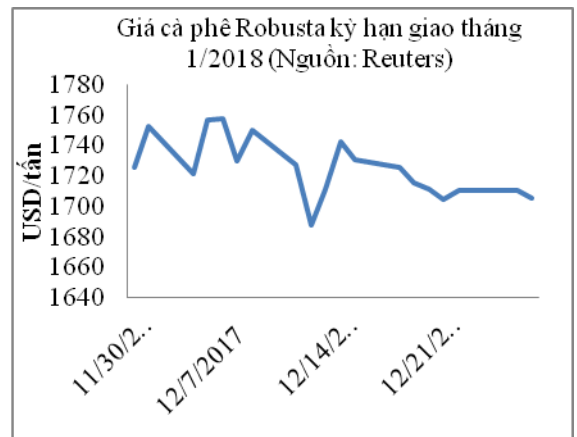


## CÀ PHÊ

### Thị trường thế giới

Thị trường cà phê thế giới biến động giảm trong tháng 12/2017. So với tháng 11/2017, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 1/2018 giảm 20 USD/tấn xuống còn 1.706 USD/tấn. Giá cà phê giảm do sức ép mùa vụ mới đang thu hoạch tại Việt Nam vẫn rất lớn. Bên cạnh đó, các nhà công nghiệp rang xay không vội mua hàng nên đã làm giá cà phê kỳ hạn càng yếu thêm. Thị trường cà phê kỳ hạn tiếp tục giao dịch trầm lắng trong tư thế thăm dò, chờ đợi xu hướng rõ ràng hơn.

Tại các khu vực Cerrado Mineiro và Mogiana, Brazil, thời tiết khô kéo dài tới tận tháng 9/2017, và đợt mưa vừa qua giúp phục hồi các khu vực cà phê bị ảnh hưởng do thời tiết khô. Dù tình hình thời tiết cải thiện, Cepea dự báo sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2018/19 sẽ không vượt mức sản lượng niên vụ 2016/17 do các yếu tố liên quan đến giai đoạn ra hoa tại một số khu vực và hoạt động trồng mới tại Cerrado. Hoạt động sản xuất cà phê tại Brazil lần lượt trải qua một năm sản lượng cao và một năm sản lượng theo chu kỳ, với niên vụ 2018/19 dự kiến là năm sản lượng thấp.



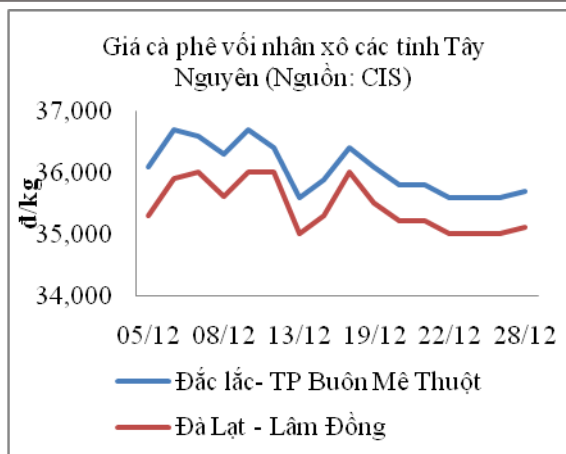
### Thị trường trong nước

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm trong tháng 12/2017 theo xu hướng của thị trường thế giới. So với tháng trước, giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 1.200 – 1.400



đ/kg xuống còn 35.000 – 35.800 đ/kg.

Nhìn lại cả năm 2017, giá cà phê nội địa trong xu hướng giảm là chủ đạo. Sang đến tháng 11/2017, chuỗi giảm dài và sâu của giá cà phê bắt đầu khi rơi xuống dưới mức 40.000 đ/kg. Giá cà phê trong nước giảm do nguồn cung nội địa đang tăng lên vì vào vụ thu hoạch rộ và sức mua yếu từ các nhà nhập khẩu bởi lượng cà phê vụ cũ tồn kho của các nhà nhập khẩu đang tương đối nhiều.



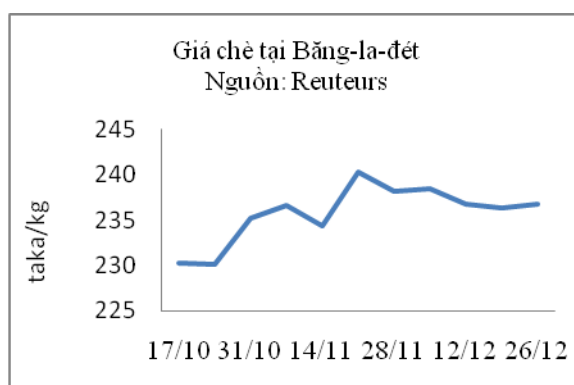
### Xuất khẩu cà phê của Việt Nam

**Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ước tính xuất khẩu cà phê tháng 12 năm 2017 ước đạt 138 nghìn tấn với giá trị đạt 284 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê năm 2017 ước đạt 1,42 triệu tấn và 3,21 tỷ USD, giảm 20,2% về khối lượng và giảm 3,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 2.279,5 USD/tấn, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2016. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 với thị phần lần lượt là 14,6% và 12,7%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 11 tháng đầu năm 2017 tăng mạnh là: Ấn Độ (13,3%) và Italia (10,6%).**

## CHÈ

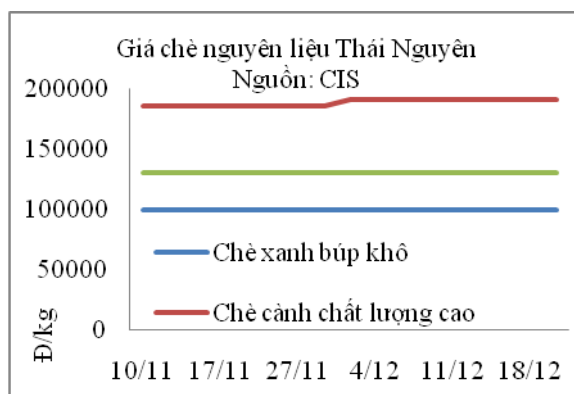
### Thị trường thế giới

Sau chuỗi tăng giá dài ngày trong ba tháng 9-11, giá chè tại Bangladesh quay đầu giảm giá trong tháng 12 trong bối cảnh nguồn cung tăng cao hơn so với doanh số bán ra trước đó. Tuy nhiên, nhu cầu đối với chè chất lượng tăng mạnh đã hạn chế đà giảm giá. Tại phiên đấu giá hàng tuần ngày thứ ba (26/12), giá chè Bangladesh đạt mức 236,76 taka (tương đương 2,8 USD)/kg, giảm 1,52 taka so với 238,28 taka/kg trong phiên đấu giá cuối tháng trước (28/11). Giá chè dự báo sẽ tăng 17% trong năm 2017, và sẽ duy trì vững trong năm 2018 và 2019.



### Thị trường trong nước

Thị trường chè nguyên liệu trong nước trong tháng 12 nhìn chung vẫn ổn định, chỉ có một chút biến động nhẹ. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao trong tháng tăng 5.000 đ/kg lên mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô giữ mức 100.000 đ/kg. Sức mua nguyên liệu của các nhà máy chế biến tăng để đáp ứng nhu cầu cuối năm bắt đầu đẩy giá chè nguyên liệu tăng lên. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1 giữ mức 9.000 đ/kg, giá chè nguyên liệu sản xuất chè đen là 6.000 đ/kg.



### Xuất khẩu chè của Việt Nam

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè tháng 12 năm 2017 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 21 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè năm 2017 ước đạt 140 nghìn tấn và 229

triệu USD, tăng 7,2% về khối lượng và tăng 5,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá chè xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 1.626.3 USD/tấn, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 11 tháng đầu năm 2017, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 29,8% thị phần, giảm 12,8% về khối lượng và giảm 8,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Các thị trường có giá trị xuất khẩu chè trong 11 tháng đầu năm 2017 tăng mạnh là Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (gấp 2,25 lần) %, Đài Loan (+58,3%) và Ả Rập Xê Út (+22,7%).

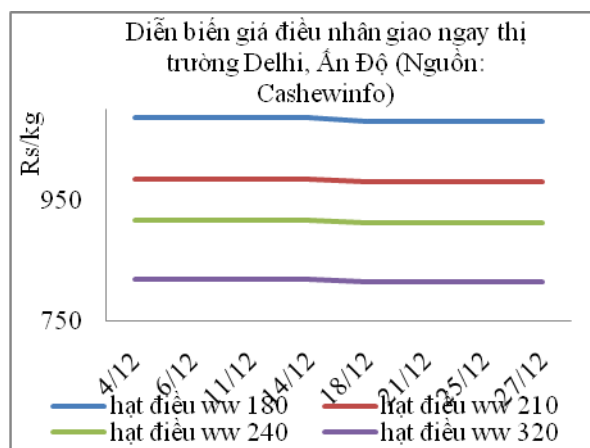
**Nhận định/Dự báo**

*Chỉ còn gần 2 tháng nữa là đến Tết Nguyên đán 2018, thời điểm này, các hộ trồng chè cũng như cơ sở kinh doanh đang đẩy mạnh sản xuất, tích trữ sản phẩm chè phục vụ thị trường dịp Tết. Theo dự báo của nhiều người trồng chè lâu năm, trong dịp Tết sắp tới giá chè có thể tăng khoảng 10-20% so với ngày thường do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.*

## HẠT ĐIỀU

**Thị trường thế giới**

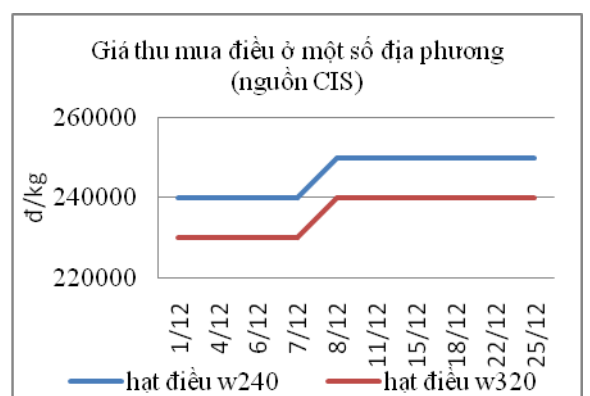
Trong tháng 12, giá điều tại Delhi, Ấn Độ giảm nhẹ. Cụ thể điều nhân loại WW180 giảm từ 1085 Rs/kg xuống 1080 Rs/kg, loại WW210 giá 985 Rs/kg giảm xuống 980 Rs/kg, loại WW240 giá 917,5 Rs/kg giảm xuống 912,5 Rs/kg và loại WW320 giá 820 Rs/kg giảm xuống còn 815 Rs/kg do nhu cầu chậm lại từ các nhà bán lẻ và nhà phân phối. Sự gia tăng lượng hàng nhập khẩu và nhu cầu giảm sút của người tiêu dùng cũng gây áp lực lên giá hạt điều.



Tại Kollam, Ấn Độ, Hội đồng Xúc tiến Xuất khẩu Hạt điều đã công bố kế hoạch kinh doanh chiến lược “Sứ mệnh 2020” tạo nên một cuộc cải tổ lớn trong kế hoạch phát triển của bang. Dự án bao gồm ba điểm chính: kế hoạch kinh doanh chiến lược, gói kinh tế đặc biệt cho ngành công nghiệp điều và lộ trình sản xuất 20 nghìn tấn hạt điều thô vào năm 2025.

**Thị trường trong nước**

Tháng 12 ngành điều có biến động nhẹ, do các nhà máy đã thu mua đủ nguyên liệu. Tại Đồng Nai, điều bắt đầu vào mùa thu hoạch cuối năm, hiện tại, giá thu mua điều tươi là 11.500đ/kg, điều khô mua xô là 41.000đ/kg. Tại Bình Phước, giá điều biến động tăng. Cụ thể, đầu tháng điều nhân loại W240 giá 240.000đ/kg, giá hiện tại tăng lên 250.000đ/kg, loại W320 đầu tháng giá 230.000đ/kg, giá hiện tại tăng lên 240.000đ/kg. Giá điều tăng do nhu cầu cuối năm tăng làm giá nguyên liệu tăng. Giá hạt điều khô mua xô tại đắk lắk dao động từ 40.000 – 45.000đ/kg.



**Xuất nhập khẩu điều của Việt Nam**

*Khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 12 năm 2017 ước đạt 30 nghìn tấn với giá trị 302 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều năm 2017 ước đạt 353 nghìn tấn và 3,52 tỷ USD, tăng 1,9% về khối lượng và tăng 23,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 9.926,3 USD/tấn, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 35%, 15,6% và 12,9% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Mười*

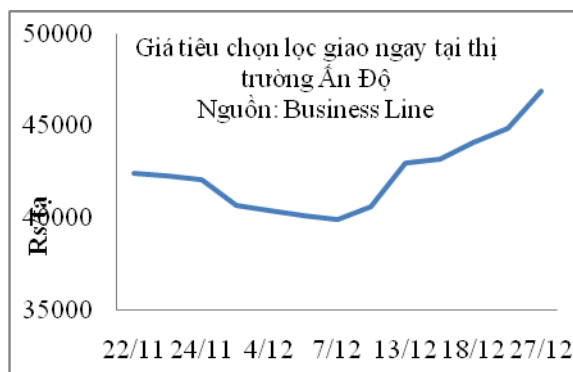
một tháng đầu năm 2017, các thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh là Nga (56,3%), Hà Lan (44,7%), Thái Lan (41,4%), Hoa Kỳ (27%), Anh (24,8%) và Israen (13,5%).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu trong tháng 12/2017 ước đạt 67 nghìn tấn với giá trị đạt 147 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu điều cả năm 2017 ước đạt 1,28 triệu tấn và 2,53 tỷ USD, tăng 23% về khối lượng và tăng 52,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016.

## HẠT TIÊU

### Thị trường thế giới

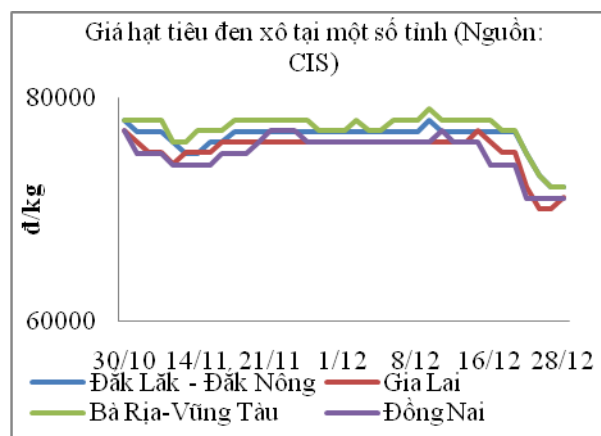
Thị trường hạt tiêu Ấn Độ biến động tăng trong tháng 12/2017. So với tháng trước, giá tiêu giao ngay Ấn Độ tăng 5.900 Rs/tạ lên 44.900 Rs/tạ đối với tiêu xô và 46.900 Rs/tạ đối với tiêu chọn lọc. Giá tiêu Ấn Độ xuất khẩu sang châu Âu và Mỹ tăng 925 USD/tấn lên 7.525 USD/tấn và 7.825 USD/tấn. Giá tiêu khởi sắc do mưa tại các huyện trồng tiêu ở nam Kerala đã làm trì hoãn vụ thu hoạch. Bên cạnh đó, nhu cầu tăng cao trong bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt cũng hỗ trợ giá tiêu.



Chính phủ Ấn Độ quyết định áp giá sàn nhập khẩu đối với hạt tiêu. Tuy nhiên, các nhà chế biến và xuất khẩu hạt tiêu Ấn Độ cho rằng động thái này sẽ có tác động xấu tới thương mại và dẫn đến các luồng thương mại hạt tiêu tiếp tục đổ qua ngã Sri Lanka. Các thương nhân lo ngại rằng nhập khẩu hạt tiêu sẽ tăng thông qua các luồng thương mại theo FTA, qua đó gây thiệt hại về giá trong thương mại quốc tế. Diễn đàn các nhà xuất khẩu gia vị toàn Ấn Độ (AISEF) cho rằng động thái mới của chính phủ là không hợp lý và sẽ gây thiệt hại cho toàn ngành gia vị. Những tuyên bố về áp giá nhập khẩu tối thiểu CIF ở mức 500 Rs/kg, tương đương 7.575 USD/tấn, khi mà giá hạt tiêu quốc tế đang chào bán ở mức 3.500 – 4.200 USD/tấn sẽ gây tác động tiêu cực. Tuy nhiên, với giá sàn nhập khẩu, các doanh nghiệp này sẽ buộc phải đóng cửa.

### Thị trường trong nước

Thị trường hạt tiêu trong nước biến động giảm trong tháng 12/2017. So với tháng trước, giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông, Bà Rịa Vũng Tàu và Đồng Nai giảm 5.000 đ/kg xuống còn 71.000 - 72.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm mạnh nhất 6.000 đ/kg xuống mức 70.000 đ/kg. Nguyên nhân giá tiêu giảm là do lượng tiêu tồn kho từ vụ trước chuyển sang ước tính còn khá nhiều. Dự báo, xu hướng giá thấp có thể sẽ còn duy trì trong năm 2018 do sản lượng tiêu ngày càng tăng cao trên toàn cầu.



Nhìn chung trong cả năm 2017, giá hạt tiêu trong nước biến động giảm tới gần 50% so với thời điểm cuối năm 2016 do diện tích hồ tiêu trên cả nước vượt quy hoạch dẫn đến cung vượt cầu trong khi nhu cầu thị trường hạn hẹp.

### Xuất khẩu tiêu của Việt Nam

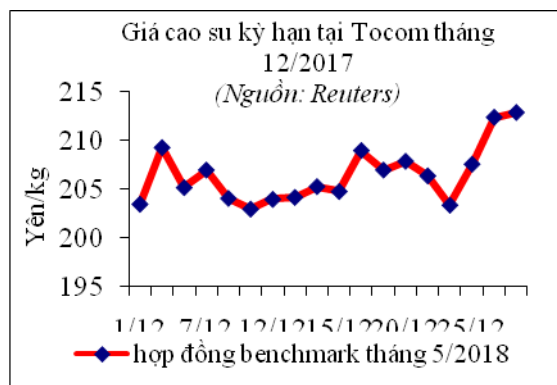
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ước tính khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 12 năm 2017 ước đạt 11 nghìn tấn, với giá trị đạt 49 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu năm 2017 ước đạt 214 nghìn tấn và 1,12 tỷ USD, tăng 20,5% về khối lượng nhưng giảm 21,9% về giá

trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 5.258,1 USD/tấn, giảm 34,7% so với cùng kỳ năm 2016. Ba thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 là Hoa Kỳ, Ấn Độ, và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất với thị phần lần lượt là 19,6%, 6,8%, và 5,7%.

## CAO SU

### Thị trường thế giới

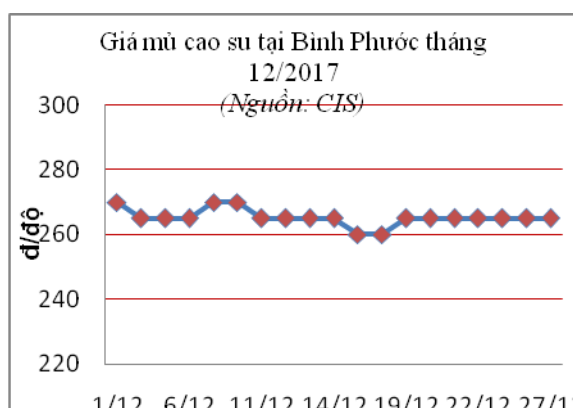
Giá cao su kỳ hạn tại Sàn Giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) diễn biến tăng trong tháng 12/2017, nhờ được hậu thuẫn bởi giá cao su tăng trên sàn giao dịch cao su Thượng Hải, Trung Quốc và đồng yên suy yếu so với đô la Mỹ và các nước sản xuất chính trên thế giới cắt giảm xuất khẩu. Kết thúc phiên giao dịch 27/12, hợp đồng benchmark tháng 5/2018 đạt 212,9 yên/kg, mức cao nhất trong 3 tháng tăng 0,5 yên so với phiên trước và tăng 9,4 yên so với phiên đầu tháng (1/12) ở mức 203,5 yên/kg.



Theo Bộ nông nghiệp Thái Lan, nhóm 3 nước sản xuất cao su tự nhiên hàng đầu thế giới là Thái Lan, In-đô-nê-xia và Ma-lai-xia sẽ cắt giảm xuất khẩu lên đến 350.000 tấn đến tháng 3/2018 trong một nỗ lực nhằm hỗ trợ giá cao su trên thị trường toàn cầu suy giảm.

### Thị trường trong nước

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá thu mua mủ cao su dạng nước tại Đồng Nai tháng 12/2017 ổn định ở mức 10.650 đ/kg, sau khi sụt giảm vào cuối tháng 11. Giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước giảm nhẹ, từ mức 270 đồng/độ xuống còn 265 đồng/độ.



Thời điểm cuối năm 2017, các đối tác nhập khẩu cao su của Trung Quốc đang đẩy mạnh giao dịch để dự trữ nguyên liệu cho sản xuất trong năm 2018. Nhu cầu của các đối tác Trung Quốc tăng sản lượng giao hàng 20% so với giai đoạn trung tuần tháng 12/2017. Các sản phẩm giao dịch chủ chốt là SVR 3L, SVR5 và sản phẩm cao su xám SVR10, SVR20. Các sản phẩm cao su sơ chế SVR-L, SVR-CV50, SVR-CV60 sản lượng đưa vào giao dịch giảm đến 50% do chất lượng trung bình, khó sử dụng.

### Xuất khẩu cao su của Việt Nam

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 12 năm 2017 đạt 175 nghìn tấn với giá trị đạt 253 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su năm 2017 ước đạt 1,39 triệu tấn và 2,26 tỷ USD, tăng 11% về khối lượng và tăng 35,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2017 đạt 1.654,7 USD/tấn, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc, Malaysia và Ấn Độ là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017, chiếm thị phần lần lượt 64%, 5,2% và 3,9%. Giá trị xuất khẩu cao su sang 3 thị trường này lần lượt là: 1,29 tỷ USD, tăng 51,8%; 104,9 triệu USD, giảm 8,8% và 78,4 triệu USD, giảm 29,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 12/2017 đạt 60 nghìn tấn với giá trị đạt 105

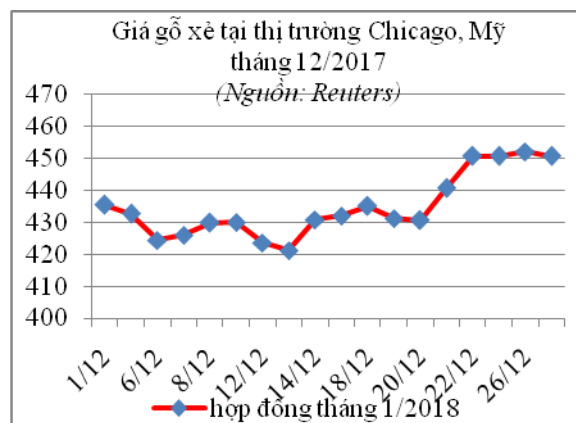
triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su năm 2017 lên 559 nghìn tấn và 1,09 tỷ USD, tăng 28,5% về khối lượng và tăng 59,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 11 tháng đầu năm 2017 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia và Thái Lan chiếm 54,5% thị phần. Trong 11 tháng đầu năm 2017, giá trị cao su ở tất cả các thị trường nhập khẩu đều tăng. Trong đó, thị trường có giá trị tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là Indonesia (gấp 2,9 lần), Nga (+91,6%) và Trung Quốc (+85,4%). Đặc biệt, trong 11 tháng đầu năm 2017 mặc dù khối lượng nhập khẩu cao su từ thị trường Malaixia giảm 5,1% nhưng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này lại tăng 56% so với cùng kỳ năm 2016.

## GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

### Thị trường thế giới

Thị trường gỗ xẻ giao kỳ hạn tại Sàn Giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) diễn biến tăng trong tháng 12/2017. Trong đó, hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2018 kết thúc phiên 27/12 ở mức 450,6 USD/tbf, giảm 1,4 USD/tbf so với phiên trước (26/12), nhưng tăng 15,2 USD, tương ứng tăng 3,5% so với phiên đầu tháng (1/12).

Ma-lai-xia dự kiến sẽ tăng sử dụng gỗ từ cây cao su và cọ làm nguyên liệu thô nhờ tính dẻo dai và bền của các loại gỗ này. Việc giảm sử dụng gỗ nguyên liệu từ các cây gỗ cứng cũng nằm trong nỗ lực bảo tồn các khu rừng tự nhiên ở Ma-lai-xia. Với nguồn cung dồi dào các vườn trồng cọ và cao su, các nhà chế biến gỗ đang tìm cách sử dụng gỗ cọ và gỗ cao su để sản xuất các loại gỗ dán, gỗ ép và pa-nô.



### Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Mỹ tăng mạnh trong năm 2017 là yếu tố chính góp phần nâng kim ngạch xuất khẩu chung của toàn ngành gỗ năm 2017. Thị phần xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Mỹ chiếm tới 42,7% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm của Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng mạnh trong năm 2017 và các yếu tố thị trường thuận lợi như kinh tế Mỹ tăng trưởng, thị trường việc làm tăng, thị trường bất động sản khởi sắc và nhu cầu tiêu thụ đồ nội thất bằng gỗ tăng tại Mỹ, góp phần thúc đẩy gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường này tăng mạnh trong năm 2018.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 12 năm 2017 đạt 697 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2017 ước đạt 7,6 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2016. Hoa Kỳ, Trung Quốc, và Nhật Bản là 3 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2017 với thị phần lần lượt là 42,8%, 14%, và 13,5%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ tăng mạnh là Hoa Kỳ (17,6%), Canada (15,5%) và Hàn Quốc (15,3%).

### Nhập khẩu gỗ của Việt Nam

Ước giá trị nhập khẩu tháng 12/2017 đạt 226 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ năm 2017 đạt 2,19 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2016. Trong 11 tháng đầu năm 2017, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của tất cả các thị trường nhập khẩu chính đều tăng. Trong đó, ba thị trường có giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh nhất là Pháp (+46,4%), Braxin (+39,9%) và Đức (+39,1%) so với cùng kỳ năm 2016.

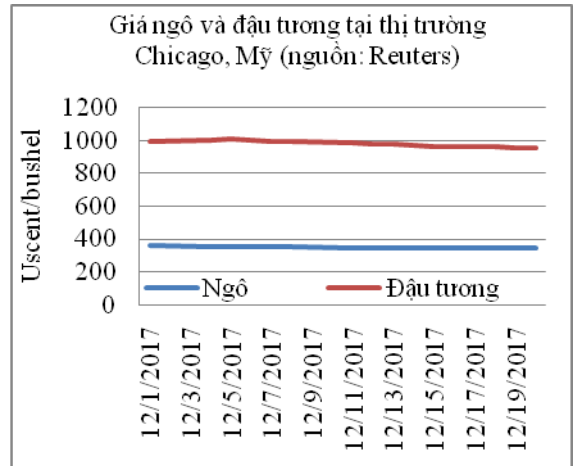
## THỨC ĂN CHĂN NUÔI

### Thị trường thế giới

Theo nguồn tin Reuters, trong tháng 12/2017, giá ngô kỳ hạn tại thị trường Chicago, Mỹ giảm 2% từ mức giá bình quân tháng là 356,1 UScent/bushel của tháng trước xuống còn 350,5 UScent/bushel. Nhìn chung, nếu đánh giá trong tháng thì thị trường mặt hàng này diễn biến khá ổn định nhưng tăng tại Nam Mỹ và thị trường khác do nhu cầu tăng tại Trung Quốc.

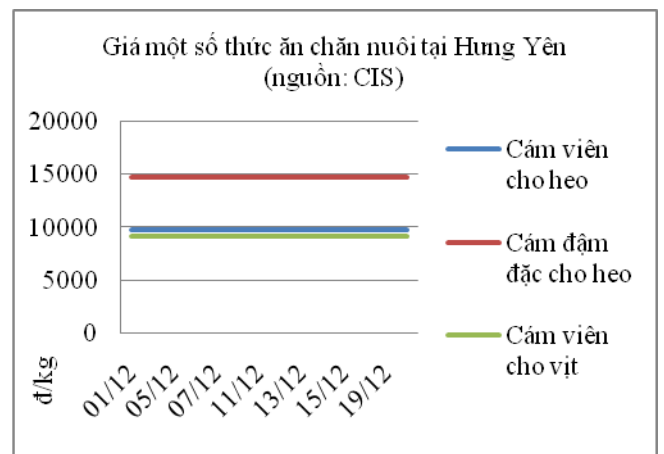
Tuy nhiên, giá đậu tương tăng so với tháng trước do thông tin thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng đến nguồn cung. Tuy nhiên, nhìn lại diễn biến trong tháng 12/2017, thị trường mặt hàng đậu tương lại có xu hướng giảm nhẹ vào những phiên giao dịch gần đây. Dự báo giá ngô và đậu tương ổn định trong tháng tới do nguồn cung hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ toàn cầu.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo về sản lượng đậu tiên niên vụ 2017/18 đạt 348,5 triệu tấn, giảm 0,4 triệu tấn so với dự báo trước và tăng 2,6 triệu tấn so với niên vụ 2016/17. Trong khi đó, sản lượng ngô dự kiến tăng lên mức 1,04 tỷ tấn, tương đương với dự báo trước nhưng giảm 31 triệu tấn so với niên vụ trước



### Thị trường trong nước

Trong tháng 12/2017, mặc dù khối lượng giao dịch thức ăn chăn nuôi trong nước diễn ra vẫn còn hạn chế do nhu cầu phục vụ chăn nuôi giảm, nhưng giá những mặt hàng này không giảm với sự khống chế bởi các doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp nước ngoài. Do đó thị trường thức ăn chăn nuôi trong nước luôn giữ vững ở mức cao. Cụ thể, tại Hưng Yên, thị trường mặt hàng thức ăn chăn nuôi hỗn hợp dành cho heo luôn giữ vững ở mức giá 14.800 đ/kg và 9.800 đ/kg đối với cám đậm đặc và cám viên; thức ăn chăn nuôi dành cho vịt giữ vững ở mức giá 9.200 đ/kg.



### Nhập khẩu TÁC N của Việt Nam

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá trị nhập khẩu của mặt hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu ước đạt trong tháng 12/2017 là 244 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này cả năm 2017 lên 3,23 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2016. Thị trường nhập khẩu chính của nhóm mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm 2017 là Argentina (chiếm 47% thị phần), tiếp đến là Hoa Kỳ (7,9%), Trung Quốc (4,9%) và Ấn Độ (chiếm 4,5% thị phần). Trong đó, thị trường có tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2016 là thị trường Canada (tăng hơn 6 lần) tiếp đến là các thị trường Ấn Độ và Indonesia với tỷ lệ tăng lần lượt là 80,1% và 12,2%. Ngược lại, giá trị nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu của thị trường Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm mạnh, mức giảm lần lượt là 40,4% và 30,9%.

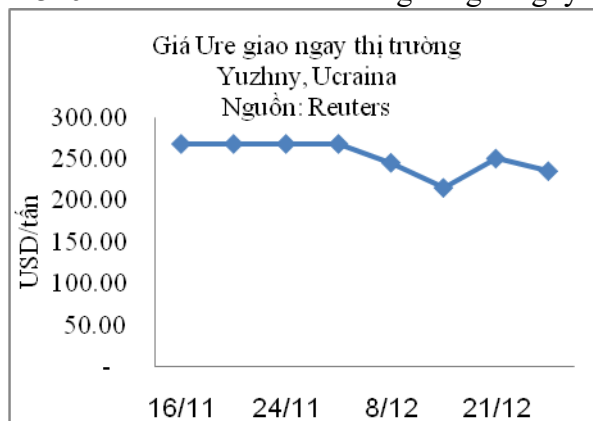
## PHÂN BÓN

## Thị trường thế giới

Trong tháng qua, thị trường Ure thế giới có sự khởi sắc vào cuối tháng do nhu cầu tăng. Tuy nhiên, so với tháng trước, giá Ure bán buôn Vịnh Mỹ vẫn giảm nhẹ 1 USD/tấn xuống còn 223,5 USD/tấn. Giá Ure bán lẻ tăng 2 USD/tấn, hiện ở mức 316 USD/tấn. Giá DAP tăng do giá nguyên liệu sản xuất tăng. Giá DAP tại Illinois tăng 6,25 USD/tấn lên 437,62 USD/tấn. Giá DAP khu vực đồng bằng dao động từ 445 – 465 USD/tấn.

Giá Kali trên sàn giao dịch tăng 5 USD/tấn lên 260 USD/tấn. Giá Kali bán lẻ tăng 1 USD/tấn lên 322 USD/tấn

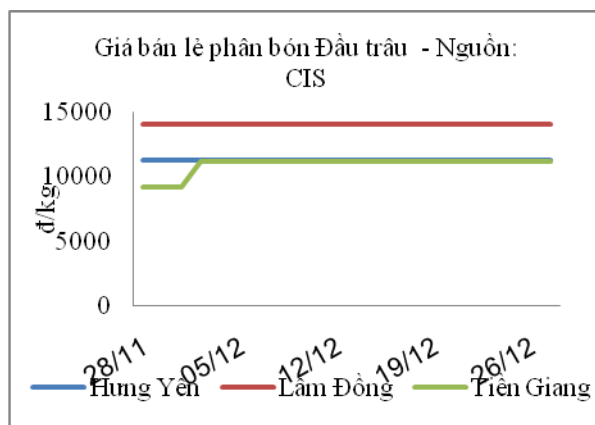
So với cùng kỳ năm ngoái, giá bán lẻ 4 loại phân bón trên thị trường Mỹ đã biến động tăng. Giá DAP tăng 1%, giá Ure tăng 2%, giá MAP tăng 8% và giá Kali tăng 7%. Giá các loại phân bón còn lại giảm: giá UAN28 và UAN32 giảm 1%, giá mật hàng phân bón 10-34-0 giảm 9%.



## Thị trường trong nước

Nhiều mật hàng phân bón tại các tỉnh miền Trung giá tăng mạnh trong tháng 12/2017 do nhu cầu sử dụng các loại phân bón rất lớn trong bối cảnh nông dân chuẩn bị chính thức bắt tay vào sản xuất vụ đông xuân 2017-2018. Hiện trên thị trường khu vực này, một số loại phân bón có giá bán dao động từ 300.000 - 800.000 đ/bao, tăng 30.000 - 90.000 đ/bao so với đầu vụ sản xuất hè thu 2017. Cụ thể: Phân Urê bán ra với giá 375.000 đ/bao, phân NPK Nhật 530.000 đ/bao, phân NPK đầu trâu 600.000 đ/bao, phân DAP 800.000 đ/bao...

Tại Tiền Giang, giá các loại phân Urê dao động từ 345.000 - 370.000 đ/bao (tùy loại); DAP 520.000 - 560.000 đ/bao (hạt nâu, hạt xanh); Kali khoảng 440.000 đ/bao. Tại Hải Phòng và các khu vực lân cận ở miền Bắc nhìn chung giá cả phân bón ở mức ổn định: Ure Ninh Bình: 6.250 đ/Kg, Ure Hà Bắc: 6.350 đ/Kg, Ure hạt đục Cà Mau: 6.800 đ/Kg, Kali bột đỏ Nga: 6.300 đ/Kg, Kali hạt Nga: 7.000 đ/Kg, SA bột Trung Quốc: 2.700 đ/Kg, SA Kim cương Nhật Bản: 3.750 đ/Kg.



## Nhập khẩu phân bón của Việt Nam

**Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 12 năm 2017 đạt 486 nghìn tấn với giá trị 118 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón cả năm 2017 ước đạt 4,73 triệu tấn và 1,25 tỷ USD, tăng 12,7% về khối lượng và tăng 24,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân đạm URE ước đạt 482 nghìn tấn với giá trị đạt 122 triệu USD, giảm 20,8% khối lượng nhưng giảm 11,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016; phân SA ước đạt 1,13 triệu tấn với giá trị nhập khẩu đạt 135 triệu USD, tăng 9% về khối lượng và tăng 11% về giá trị so với năm 2016. Nguồn phân bón nhập khẩu trong 11 tháng đầu năm 2017 chủ yếu từ Trung Quốc chiếm tới 37,8% tổng giá trị nhập khẩu mật hàng này, giảm 1,2% về khối lượng nhưng lại tăng 1,3% giá trị so với cùng kỳ năm 2016. Trong 11 tháng đầu năm, thị trường có giá trị nhập khẩu mật hàng phân bón các loại tăng mạnh nhất là thị trường Nhật Bản (tăng 62,9%), tiếp đến là thị trường Malaixia (tăng 49,4%) và Nga (tăng 41,9%).**

### GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ SANG THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

#### Khó khăn đối với xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam sang EU

Tiềm năng thị trường rất lớn, nhưng EU là thị trường khó tính, với những hàng rào kỹ thuật nghiêm ngặt, đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam phải có chuẩn bị kỹ lưỡng. Do vậy, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần chú ý nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, tăng cường mẫu mã, đặc trưng, bản sắc riêng cũng như cần tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn về môi trường, lao động và tính hợp pháp của nguồn nguyên liệu gỗ sản xuất. Khách hàng châu Âu rất quan tâm đến các điều kiện sản xuất sản phẩm như môi trường, lao động, công nghệ...

Khi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) được thông qua, EU sẽ yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu phải đáp ứng mã hàng hóa, chứng minh rõ nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm gỗ hợp pháp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần chú ý đến yêu cầu này.

Tính liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến gỗ, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cùng các doanh nghiệp thiếu hụt nguyên liệu cũng là điểm yếu cần khắc phục của doanh nghiệp gỗ Việt Nam để đạt được mức tăng trưởng khả quan trong năm 2017 và các năm tới.

Bên cạnh các lợi ích to lớn, Việt Nam cũng không thể xem nhẹ những thách thức mà Hiệp định thương mại tự do EU-Việt Nam (EVFTA) có thể đưa đến. Trong đó, sức ép cạnh tranh có lẽ là quan ngại lớn nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, tác động này của Hiệp định EVFTA dự kiến sẽ không quá tiêu cực do cơ cấu thương mại giữa hai bên mang tính bổ trợ cho nhau nhiều hơn. Nói cách khác, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ EU chủ yếu là trang thiết bị, nguyên liệu đầu vào cần thiết để phục vụ cho sản xuất hoặc nhóm hàng tiêu dùng chất lượng cao mà nguồn cung trong nước còn hạn chế, nên dự kiến sẽ không nhiều đối đầu giữa hàng trong nước và hàng nhập khẩu từ EU.

#### Những quy định của EU đối với sản phẩm gỗ

Đối với mặt hàng gỗ và lâm sản, thị trường EU không yêu cầu về giấy phép nhập khẩu mà chỉ đề ra những quy định đối với việc xuất khẩu những sản phẩm thuộc chính sách an ninh và ngoại giao thông thường, chủ yếu là vũ khí và hoá chất độc hại.

##### *Các quy định thuế*

Mặt hàng gỗ bao gồm gỗ nguyên liệu và sản phẩm từ gỗ đều phải chịu thuế nhập khẩu vào thị trường châu Âu tùy thuộc vào sản phẩm và xuất xứ. Nhằm hỗ trợ việc xuất khẩu từ các nước đang phát triển, EU vận hành biểu thuế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) nhằm giảm thuế cho các nước đang phát triển và miễn thuế cho các nước chậm phát triển.

Đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam vào EU hiện đang hưởng mức thuế GSP với mức thuế xuất chủ yếu là 0% (một số mã hàng chịu thuế 2,1%) đã giúp Việt Nam có lợi thế nhất định khi xuất khẩu gỗ vào thị trường EU so với Trung Quốc, Indonesia, Brazil, Malaysia... do các nước này không được hưởng GSP.

##### *Các quy định phi thuế*

Các điều luật quan trọng nhất đối với xuất khẩu gỗ như sau:

- Các chất độc hại như creozit, thạch tín, formandehyt, đều bị cấm sử dụng tại tất cả các nước thành viên. Hiện nay EU đang thực thi các quy định của REACH (Quy định của EU về Hóa



chất và sử dụng an toàn hóa chất).

- Đối với sản phẩm gỗ dùng trong xây dựng, cần tham khảo Chỉ thị 89/106/EC.

- Công ước về việc cấm buôn bán các giống loài có nguy cơ tuyệt chủng (CITES), bao gồm cả động thực vật. Chính phủ Việt Nam đã có văn bản cấm một số loại gỗ nhóm 1 và nhóm 2 không được phép xuất khẩu.

#### *Các văn bản dưới luật quan trọng*

Yêu cầu về môi trường: Người sản xuất sản phẩm gỗ được khuyến khích sản xuất các chủng loại gỗ theo các tiêu chuẩn về môi trường bền vững, có sử dụng nhãn mác, mã số hoặc hệ thống quản lý để chứng tỏ đã tuân thủ đúng các quy định như: ISO 1400; ISO 14001...

Năm 2005, EU bắt đầu triển khai kế hoạch giới hạn nhập khẩu gỗ theo các nguồn hợp pháp từ các đối tác tự nguyện theo sáng kiến về việc “thực thi luật, quản trị và buôn bán tài nguyên rừng” – FLEGT. Kế hoạch trên áp dụng với mọi nước xuất khẩu gỗ sang EU và phối hợp thực hiện với các thị trường tiêu dùng lớn như: Hoa Kỳ, Nhật Bản. EU đã ký Hiệp định đối tác tự nguyện chính thức với Malaysia vào tháng 9/2006 và Indonesia vào tháng 1/2007, chấm dứt đàm phán xong với Gana và Việt Nam sẽ tiến hành đàm phán với EU vào tháng 10/2010.

#### *Các tiêu chuẩn về chất lượng*

Quy định cho các sản phẩm xây dựng vào châu Âu: các sản phẩm gỗ phục vụ xây dựng phải đáp ứng được các yêu cầu về:

- Độ bền sản phẩm
- Khả năng chịu lửa
- Bảo vệ môi trường, sức khoẻ và vệ sinh
- An toàn khi sử dụng
- Chống ồn
- Tiết kiệm năng lượng
- Giữ nhiệt
- Đóng gói, ghi nhãn và gắn nhãn

Theo CBI (Tổ chức xúc tiến nhập khẩu từ các quốc gia đang phát triển của Hà Lan), đóng gói có các chức năng sau:

Bảo vệ sản phẩm trong quá trình vận chuyển

Chia nhỏ sản phẩm để bán

Mang thông điệp từ nhà sản xuất đến người mua/người tiêu dùng

Sản phẩm từ các nước đang phát triển thường phải đi một quãng đường dài trước khi đến EU. Vì vậy, khâu đóng gói cần đặc biệt chú ý nhằm hạn chế các rủi ro hỏng hóc do va đập, nhiệt độ cao, ẩm ướt...

Việc đóng gói phải bảo đảm an toàn và tránh hư hỏng hàng, bao bì bằng vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế. Người mua sẽ đưa ra các yêu cầu về bao bì đối với các sản phẩm đã sẵn sàng để lắp ráp và sản phẩm lắp ráp hoàn chỉnh. Trên bao bì phải ghi đầy đủ số lượng, trọng lượng, loại gỗ, đóng dấu, nhãn hiệu để thuận tiện cho việc chuyên chở.

Các yêu cầu đối với sản phẩm sơ chế và sản phẩm thô ít khắt khe hơn, chỉ cần đánh số và đóng tên hay logo của người xuất khẩu. Điều quan trọng là phải ghi rõ trọng lượng chính xác, chiều

dài, và cần chú ý cách và các điều kiện đóng gói.

### **Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU**

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU chỉ chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam nhưng EU là thị trường mang tính then chốt trong chiến lược phát triển lâu dài của các doanh nghiệp gỗ xuất khẩu. Khi đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường châu Âu, các sản phẩm gỗ Việt Nam sẽ dễ dàng tiếp cận các thị trường khó tính khác, thậm chí có thể đạt tiêu chuẩn xuất khẩu chung của thế giới. Do đó, việc đáp ứng các yêu cầu của thị trường EU là bài toán mà các doanh nghiệp xuất khẩu ngành gỗ Việt Nam phải nhanh chóng tìm ra lời giải.

Các doanh nghiệp ngành gỗ Việt Nam phải chủ động nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, nắm bắt các tiêu chuẩn của EU và tìm giải pháp đáp ứng phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp mình. Trong đó, các doanh nghiệp phải xây dựng được quy trình kiểm soát chất lượng, kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong toàn bộ quy trình sản xuất. Đối với yêu cầu về nguồn gốc nguyên liệu, doanh nghiệp nên tiếp cận các nguồn gỗ có mức rủi ro thấp, được chứng nhận về xuất xứ...

Các doanh nghiệp Việt Nam cũng nên có kế hoạch đầu tư lâu dài từ việc trồng rừng, khai thác và sử dụng hiệu quả các vùng nguyên liệu trong nước để chủ động trong việc chứng minh nguồn gốc nguyên liệu. Mặt khác, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần cải tiến công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cho sản phẩm của mình.

Bên cạnh đó, ngành chế biến gỗ Việt Nam phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cả về tay nghề thiết kế lẫn khả năng nắm bắt các yêu cầu cũng như xu hướng mới của thị trường. Tăng cường việc liên kết, đa dạng hóa sản xuất và đầu tư vào công nghệ để gia tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu cũng như giảm giá thành sản phẩm nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh cũng như tiến sâu hơn vào các thị trường tiêu dùng đồ gỗ lớn trên thế giới.

**Lưu ý sử dụng thông tin:** Đây là Bản tin hàng tuần, hàng tháng của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các số Bản tin được phát hành hàng tuần và cuối tháng phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong Bản tin chỉ mang tính tham khảo, khuyến nghị. Cục Chế biến và Phát triển thị trường rất mong nhận được sự góp ý, phân hồi, trao đổi thông tin của độc giả để Bản tin phục vụ ngày càng chất lượng, hiệu quả.